

Số: /PVCFC-IR
V/v điều chỉnh kế hoạch hoạt động sản xuất
kinh doanh đến năm 2025

Cà Mau, ngày 18 tháng 6 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Tên công ty: **Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau**

Mã chứng khoán: **DCM**

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D, KCN Phường 1, đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp. Cà Mau.

Điện thoại đi động: (0290) 3819 000

Fax: (0290) 3590 501

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đỗ Thành Hưng

Địa chỉ: Lô D, KCN Phường 1, đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp. Cà Mau.

Loại thông tin công bố:

☐ Định kỳ ☒ Bất thường (24h) ☐ Bất thường (72h) ☐ Yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: *Nghị quyết của Hội đồng quản trị CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau về việc điều chỉnh kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đến năm 2025.*

Ngày 17/6/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 1402/QĐ-PVCFC về việc điều chỉnh kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đến năm 2025 của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau www.pvcfc.com.vn, mục Quan hệ Nhà đầu tư vào ngày 18/6/2025.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT-PVCFC (để b/c);
- BKS -PVCFC(để b/c);
- TGD-PVCFC (để b/c);
- Lưu: VT, IR.

Đính kèm:

- NQ số 1402/QĐ-PVCFC;

**NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ
CÔNG TY**



Số: /NQ-PVCFC

Cà Mau, ngày tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đến năm 2025
của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-PVCFC ngày 20/10/2023 của Hội đồng quản trị (HĐQT) về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) đến năm 2025 của PVCFC;

Căn cứ Quy chế phân quyền ban hành kèm theo Nghị quyết số 3830/NQ-PVCFC ngày 17/12/2024 của HĐQT;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 24/TTr-PVCFC ngày 30/5/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch hoạt động SXKD đến năm 2025 của PVCFC;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp HĐQT bất thường tháng 6/2025 số 1395/NQ-PVCFC ngày 17/6/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đến năm 2025 của PVCFC với nội dung chi tiết như các Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện chi tiết theo đúng các quy định và pháp luật hiện hành, đảm bảo hiệu quả và hoàn thành kế hoạch được giao.

Điều 3. Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các ban chức năng, đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên PVCFC chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BTV Đảng ủy (b/c);
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHỤ LỤC 1:
CÁC CHỈ TIÊU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH 5 NĂM 2021-2025 CỦA PVCFC

(Đính kèm Nghị quyết số /NQ-PVCFC ngày / 6/2025 của Hội đồng quản trị)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 5 năm 2021- 2025 (QĐ 2686/QĐ - PVCFC ngày 20/10/2023)	KH 5 năm điều chỉnh
A	B	C	1	2
A	CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG			
I	Chỉ tiêu sản lượng sản xuất			
1	Urê Cà Mau (Urê quy đổi)	Nghìn tấn	4.519 - 4.600	4.629
	Trong đó: - Đạm chức năng/Phân bón từ gốc Urê	Nghìn tấn	440 - 460	412
2	NPK (từ phân xưởng NPK)	Nghìn tấn	746 - 766	916
3	Bao bì (PPC sản xuất)	Triệu bao	136 – 137	129
II	Chỉ tiêu sản lượng kinh doanh			
1	Urê	Nghìn tấn	3.896 - 3.953	4.019
2	Đạm chức năng/Phân bón từ gốc Urê	Nghìn tấn	424 - 450	384
3	NPK (từ phân xưởng NPK)	Nghìn tấn	705 – 720	825
4	Phân bón kinh doanh	Nghìn tấn	993 – 1000	996
5	Bao bì (PPC sản xuất)	Triệu bao	134- 137	127
B	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH			
I	Tài chính hợp nhất PVCFC			
1	Tổng doanh thu	Nghìn tỷ đồng	74,9 – 79,7	67,0
2	Lợi nhuận trước thuế	Nghìn tỷ đồng	10,6 – 11,1	9,9
3	Lợi nhuận sau thuế	Nghìn tỷ đồng	9,9 – 10,4	9,2
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng	1,7 – 1,9	1,7 – 1,9
II	Tài chính Công ty mẹ - PVCFC			
1	Vốn điều lệ cuối năm	Nghìn tỷ đồng	5,3 - 7,0	5,3 - 7,0
	Trong đó: Tỷ lệ vốn của Tập đoàn (*)	%	75,56%	75,56%
2	Vốn chủ sở hữu bình quân	Nghìn tỷ đồng	9,9	9,50
3	Tổng doanh thu	Nghìn tỷ đồng	71,23 - 77,97	65,45



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 5 năm 2021- 2025 (QĐ 2686/QĐ - PVCFC ngày 20/10/2023)	KH 5 năm điều chỉnh
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
4	Lợi nhuận trước thuế	Nghìn tỷ đồng	10,53 - 11,8	9,69
5	Lợi nhuận sau thuế	Nghìn tỷ đồng	9,86 – 10,35	8,98
6	Nộp ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng	1,69 – 1,8	1,69 – 1,8
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ điều lệ	%/năm	39,77%	36,6%
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	PVCFC xem xét cụ thể theo từng năm	
C	CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ			
1	Nhu cầu vốn đầu tư	Nghìn tỷ đồng	5,7	2,6
1.1	Trong đó: - Đầu tư XDCB và MSTTB	Nghìn tỷ đồng	5,1	1,9
1.2	- Đầu tư tài chính	Nghìn tỷ đồng	0,7	0,6
2	Nguồn vốn		5,7	2,6
2.1	- Vốn chủ sở hữu	Nghìn tỷ đồng	2,6	1,8
2.2	- Vốn vay + khác	Nghìn tỷ đồng	3,1	0,8
D	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC (Công ty mẹ)			
1	Số lao động cuối kỳ	Người	1.300 -1.326	1.300 -1.326
2	Số lao động bình quân trong kỳ	Người	1.121 - 1.143	1.121 - 1.143
3	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/tháng	33 - 34	33 - 34
4	Năng suất lao động (theo sản lượng)	Tấn/ng/tháng	76,8 - 78,4	76,8 - 78,4
5	Thực hiện đào tạo	Lượt người	14.715 - 15.009	14.715 - 15.009
6	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	59 - 61	59 - 61
7	Nghiên cứu khoa học	Đề tài	175 - 160	175 - 160
8	Kinh phí nghiên cứu khoa học	Tỷ đồng	796,8 - 812,7	436,9

(*) Tỷ lệ vốn của PVN tại PCVFC sẽ điều chỉnh sau khi phương án tái cơ cấu PVCFC được Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam phê duyệt.



PHỤ LỤC 2:
CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 2021-2025
(Đính kèm Nghị quyết số /NQ-PVCFC ngày /6/2025 của Hội đồng quản trị)

Stt	Tên dự án	KH 05 năm 2021- 2025 (QĐ 2686/QĐ-PVCFC ngày 20/10/2023)		KH 05 năm 2021-2025 điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Tổng KH 05 năm 2021- 2025	Tổng mức đầu tư	Tổng KH 05 năm 2021- 2025 điều chỉnh	
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng (I+II+III+IV)	5.736,99	5.719,21	4.095,32	2.547,49	
I	Các dự án đầu tư xây dựng	4.937,14	4.919,35	3.316,25	1.812,29	
	Dự án nhóm A					
	Dự án nhóm B	4.486,51	4.486,51	2.795,90	1.466,91	
1	Trụ sở Trạm liên lạc làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh	500,00	500,00	500,00	411,89	Hoàn thành năm 2024
2	Dự án Nhà máy sản xuất và Kho cảng PVCFC- Nhơn Trạch	1.000,00	1.000,00	858,00	291,78	Tích hợp Dự án kho đầu mối (Khu vực TPHCM và lân cận) và Dự án sản xuất phân bón hòa tan và phân bón lá và đổi tên thành Dự án Nhà máy sản xuất và Kho cảng PVCFC- Nhơn Trạch
3	Dự án Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Thanh Hóa -PVCFC	298,00	298,00	475,00	86,69	Cập nhật TMĐT và giá trị thực hiện



Stt	Tên dự án	KH 05 năm 2021- 2025 (QĐ 2686/QĐ-PVCFC ngày 20/10/2023)		KH 05 năm 2021-2025 điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Tổng KH 05 năm 2021- 2025	Tổng mức đầu tư	Tổng KH 05 năm 2021- 2025 điều chỉnh	
1	2	3	4	5	6	7
4	Mở rộng mái che mưa cho hệ thống xuất sản phẩm (line A & D)	137,17	137,17	137,17	86,22	Hoàn thành năm 2025
5	Dự án Kho bổ sung 12.000 tấn	247,11	247,11	247,11	170,84	Cập nhật giá trị thực hiện
6	Dự án nhà ở cho cán bộ công nhân viên Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau - LC	154,23	154,23	170,30	151,95	Cập nhật TMĐT và giá trị thực hiện
7	Dự án sản xuất phân bón hòa tan và phân bón lá	400,00	400,00	-	-	Bỏ khỏi danh mục, do đã tích hợp vào Dự án Nhà máy sản xuất và Kho cảng PVCFC- Nhơn Trạch
8	Dự án sản xuất Khí Công nghiệp tại Nhà máy Đạm Cà Mau	300,00	300,00	288,35	147,56	Cập nhật TMĐT và giá trị thực hiện
9	Nhà máy sản xuất Khí Công nghiệp	500,00	500,00			Ghi đầu mục
10	Dự án Nhà máy sản xuất phân bón Cà Mau - Cơ sở Bình Định	200,00	200,00	119,97	119,97	Điều chỉnh tên và tổng mức đầu tư Dự án (Tên cũ: Dự án Kho Quy Nhơn)
11	Dự án Kho khu vực Tây Nguyên	150,00	150,00	-	-	Bỏ khỏi danh mục
12	Dự án Kho khu vực Cần Thơ	300,00	300,00			Ghi đầu mục
13	Dự án Kho khu vực An Giang/Đồng Tháp	300,00	300,00			Ghi đầu mục



Stt	Tên dự án	KH 05 năm 2021- 2025 (QĐ 2686/QĐ-PVCFC ngày 20/10/2023)		KH 05 năm 2021-2025 điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Tổng KH 05 năm 2021- 2025	Tổng mức đầu tư	Tổng KH 05 năm 2021- 2025 điều chỉnh	
1	2	3	4	5	6	7
	Dự án nhóm C	450,63	432,84	520,34	345,39	
1	Mở rộng mái che Cảng nhập nguyên liệu của Nhà máy Đạm Cà Mau	51,00	51,00		-	Bỏ khỏi danh mục, do đã tích hợp thành Cụm xuất hàng xá (mái che mưa và hệ thống công nghệ xuất hàng)
2	Hạng mục cải hoán và cung cấp CO2 thô	83,23	65,44	83,23	65,44	Hoàn thành năm 2022
3	Dự án Sản xuất CO2 thực phẩm	100,00	100,00	86,95	86,95	Cập nhật TMĐT và giá trị thực hiện, dự kiến hoàn thành 2025
4	Hệ thống điện năng lượng mặt trời	80,00	80,00	76,44	68,07	Cập nhật tổng mức đầu tư
5	Dự án Hội trường & phòng họp trực tuyến	40,92	40,92		-	Bỏ khỏi danh mục do dừng thực hiện vì thay đổi mục tiêu đầu tư
6	Dự án đầu tư xây dựng bể bơi khu nhà ở CBCNV	31,54	31,54	31,44	31,44	Cập nhật tổng mức đầu tư
7	Dự án Mái che đường E8	26,65	26,65	26,09	12,83	Cập nhật tổng mức đầu tư
8	Cụm xuất hàng xá (mái che mưa và hệ thống công nghệ xuất hàng)	37,30	37,30	216,19	80,65	Tên cũ: Dự án Hệ thống xuất hàng xá, đồng thời tích hợp thêm “Dự án Mở rộng mái che Cảng nhập nguyên liệu của Nhà máy Đạm Cà Mau”
II	Mua sắm tài sản	142,96	142,96	122,18	122,18	



Stt	Tên dự án	KH 05 năm 2021- 2025 (QĐ 2686/QĐ-PVCFC ngày 20/10/2023)		KH 05 năm 2021-2025 điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Tổng KH 05 năm 2021- 2025	Tổng mức đầu tư	Tổng KH 05 năm 2021- 2025 điều chỉnh	
1	2	3	4	5	6	7
1	Trang thiết bị/TSCĐ	87,08	87,08	58,65	58,65	Cập nhật theo thực tế
2	Chuyển đổi số	55,89	55,89	63,53	63,53	
III	Đầu tư khác/đầu tư tài chính	656,89	656,89	656,89	613,02	
1	M&A công ty sản xuất NPK	656,89	656,89	656,89	613,02	



PHỤ LỤC 3.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021-2025 ĐIỀU CHỈNH

(Đính kèm Nghị quyết số /NQ-PVCFC ngày /6/2025 của Hội đồng quản trị)

TT	Tên dự án	Số Quyết định	Ngày, tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư /dự toán điều chỉnh			Tổng kế hoạch điều chỉnh 5 năm 2021- 2025		
					Tổng số	Vốn CSH của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn CSH của đơn vị	Vốn vay+ khác
1	2	3	4	5	6 =7+8	7	8	9=10+11	10	11
	Tổng cộng (I+II+III+IV)				4.095,32	2.135,21	1.960,11	2.547,49	1.770,14	777,35
I	Các dự án đầu tư xây dựng				3.316,25	1.553,21	1.763,04	1.812,29	1.224,32	587,98
	Dự án nhóm A									
	Dự án nhóm B				3.012,10	1.249,06	1.763,04	1.547,56	959,58	587,98
1	Trụ sở Trạm liên lạc làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh	1010/QĐ-PVCFC	27/04/2023	PVCFC	500,00	500,00		411,89	411,89	-
2	Dự án Nhà máy sản xuất và Kho cảng PVCFC- Nhơn Trạch	1854/NQ-PVCFC	21/06/2024	PVCFC	858,00	257,40	600,60	291,78	92,56	199,22
3	Dự án Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng, chuyên giao công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Thanh Hóa -PVCFC				475,00	53,95	421,05	86,69	53,95	32,75
4	Mở rộng mái che mưa cho hệ thống xuất sản phẩm (line A & D)	2231/QĐ-PVCFC	14/09/2022	PVCFC	137,17	41,15	96,02	86,22	86,22	-
5	Dự án Kho bổ sung 12.000 tấn	2748/QĐ-PVCFC	26/10/2023	PVCFC	247,11	74,13	172,98	170,84	58,37	112,47
6	Dự án nhà ở cho cán bộ công nhân viên Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau - LC	256/QĐ-PVCFC	31/01/2024	PVCFC	170,30	51,09	119,21	151,95	62,30	89,65
7	Dự án sản xuất Khí Công nghiệp tại Nhà máy Đạm Cà Mau				288,35	86,50	201,84	147,56	45,32	102,24
8	Cụm xuất hàng xá (mái che mưa và hệ thống công nghệ xuất hàng)	2653/QĐ - PVCFC 2964/QĐ - PVCFC 2848/QĐ - PVCFC	18/10/2023 22/11/2023 16/09/2024	PVCFC	216,19	64,86	151,34	80,65	29,01	51,64
9	Dự án Nhà máy sản xuất phân bón Cà Mau - Cơ sở Bình Định	3433/NQ-PVCFC 379/QĐ-PVCFC	28/12/2023 26/02/2024	PVCFC	119,97	119,97		119,97	119,97	-
	Dự án nhóm C				304,15	304,15	-	264,73	264,73	-

TT	Tên dự án	Số Quyết định	Ngày, tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư /dự toán điều chỉnh			Tổng kế hoạch điều chỉnh 5 năm 2021- 2025		
					Tổng số	Vốn CSH của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn CSH của đơn vị	Vốn vay+ khác
1	2	3	4	5	6 =7+8	7	8	9=10+11	10	11
10	Hạng mục cải hoán và cung cấp C02 thô	1417/QĐ-PVCFC	27/07/2020	PVCFC	83,23	83,23		65,44	65,44	-
11	Dự án Sản xuất CO2 thực phẩm	3395/QĐ-PVCFC	26/12/2023	PVCFC	86,95	86,95		86,95	86,95	-
12	Hệ thống điện năng lượng mặt trời	3461/QĐ-PVCFC	29/12/2023	PVCFC	76,44	76,44		68,07	68,07	-
13	Dự án đầu tư xây dựng bể bơi khu nhà ở CBCNV	2139/QĐ-PVCFC	18/07/2024	PVCFC	31,44	31,44		31,44	31,44	-
14	Dự án Mái che đường E8				26,09	26,09		12,83	12,83	-
II	Mua sắm tài sản				122,18	122,18	-	122,18	122,18	-
-	Trang thiết bị/TSCĐ				58,65	58,65		58,65	58,65	-
-	Chuyển đổi số				63,53	63,53		63,53	63,53	-
III	Đầu tư khác/đầu tư tài chính				656,89	459,82	197,07	613,02	423,65	189,37
1	M&A công ty sản xuất NPK	2697/QĐ-PVCFC 584/QĐ-PVCFC	20/10/2023 14/03/2024	PVCFC	656,89	459,82	197,07	613,02	423,65	189,37
2	Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh (M&A, góp vốn, hợp tác)									
IV	Các dự án ghi đầu mục để nghiên cứu									
1	Nhà máy sản xuất Khí Công nghiệp									
2	Dự án Nâng công suất Nhà máy sản xuất Phân đạm Cà Mau									
3	Dự án Đầu tư xây dựng Kho và Bến thủy nội địa phục vụ xuất nhập nguyên liệu, sản phẩm tại Nhà máy sản xuất NPK Hàn - Việt									
4	Dự án Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu									
5	Dự án Kho khu vực Cần Thơ									
6	Dự án Kho khu vực An Giang/Đồng Tháp									

